

Bản án số: **62/2024/HS-ST**
Ngày 28/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy D;

Bà Đặng Thị Cẩm T;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thanh B - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông Lê Minh Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2024/TLST, ngày 06 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/HS-QĐ ngày 15/3/2024, của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Thanh T, sinh năm 1977**; Giới tính: Nữ; ĐKKHKT: Phường L, quận L, thành phố H; Hiện cư trú: phường L, quận L, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trịnh Xuân H (đã chết); Con bà: Doãn Thị N; Chồng: Không; Có 01 con, sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 326 ngày 13/6/2023 lập tại Công an quận Cầu Giấy;

Bị cáo Đầu thú ngày 24/4/2023, hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; Địa chỉ trụ sở: Phường L, quận Đ, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Chu Quang A; Chức vụ: Chuyên viên Phòng Điều tra và Phòng chống gian lận Trung tâm An ninh nội bộ, Khối quản lý đối tác và Quan hệ đối ngoại (Theo giấy uỷ quyền số ngày 322/2023/UQ ngày 07/11/2023; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7/2017, do bị bệnh ung thư cần tiền điều trị Trịnh Thanh T đã lên mạng tìm hiểu và quen biết người phụ nữ tên Lan - hiện không xác định được nhân thân, lai lịch làm dịch vụ vay tiền ngân hàng. T liên hệ trao đổi thì Lan nhận làm hồ sơ cho Thủy vay số tiền 160.000.000 đồng, chi phí 40.000.000 đồng. Thủy đồng ý làm thủ tục và đưa cho Lan bản sao sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân của T. Sau đó, Lan hẹn gặp T tại 01 quán cafe không rõ địa chỉ trên phố Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội. Tại đây, Lan đưa cho Thủy 01 bộ hồ sơ vay vốn của Ngân hàng VPBank, thông tin trên hợp đồng đã được viết sẵn từ trước với nội dung: “Thông tin khách hàng Trịnh Thanh T, số CMND: 012105262 cấp ngày 06/01/2011; Tên cơ quan: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Xuân Mai; số tiền vay: 160.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 48 tháng”. Tuy biết thông tin cá nhân của mình trên hợp đồng là không đúng sự thật nhưng do cần vay tiền, T vẫn ký hợp đồng theo hướng dẫn của Lan. Sau đó, hồ sơ đề nghị vay của T được chuyển đến cho nhân viên Ngân hàng VPBank là chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1989, HKTT: Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội. Do bận việc, Ngọc chuyển hồ sơ lại cho chị Nguyễn Thu V, sinh năm 1988, HKTT: Duyên Hà, Thanh Trì, Hà Nội làm thủ tục. Chị V kiểm tra thì thấy hợp đồng được soạn thảo theo biểu mẫu cũ, cần thay đổi lại hình thức biểu mẫu nên nhờ chị Ngọc hẹn gặp T. Ngày 25/7/2019, T gặp V và ký lại hợp đồng vay mới, thông tin trên hợp đồng vẫn có nội dung cũ. Sau khi hoàn thiện thủ tục, chị V tiến hành thủ tục phê duyệt khoản vay theo quy định. Ngày 28/7/2017, Ngân hàng VPBank giải ngân khoản vay số tiền 160.000.000 đồng cho Trịnh Thanh T qua tài khoản ngân hàng số 127290083 mở tại Ngân hàng VPBank mang tên T. T đã rút tiền trong tài khoản làm nhiều lần rồi trả cho Lan 40.000.000 đồng, số tiền còn lại T chi trả tiền điều trị bệnh ung thư. Khoảng một năm sau khi vay, hàng tháng T đều trả cho Ngân hàng VPBank số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Sau đó, do khó khăn kinh tế vì dịch bệnh, T đã không tiếp tục thanh toán được khoản vay. Ngân hàng VPBank kiểm tra, phát hiện số chứng minh nhân dân 012105262 mà T sử dụng để đăng ký vay không phải là số chứng minh nhân dân của Trịnh Thanh T. Ngày 21/02/2019, Ngân hàng trình báo sự việc đến Công an quận Cầu Giấy đề nghị giải quyết.

Cơ quan điều tra đã thu giữ tài liệu do đại diện Ngân hàng VPBank cung cấp gồm: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSDB, phương án sử dụng vốn, tờ khai thông tin dành cho khách hàng, tờ trình đơn vị cho vay, giấy yêu cầu bảo hiểm sinh mạng đều mang tên Trịnh Thanh T (đều là bản chính), chứng minh nhân dân (bản photo), sổ hộ khẩu đều mang tên Trịnh Thanh T (bản sao), bảng xác nhận thông tin nhân sự và thu nhập (bản chính), tài liệu về việc giải ngân khoản vay của Trịnh Thanh T.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Trịnh Thanh T trên các tài liệu đăng ký vay do Ngân hàng VPBank cung cấp. Kết luận giám định số 5286/KLGD-PC09-Đ4 ngày 20/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: “Chữ viết có nội dung Tôi xác nhận những thông tin trên là đúng.” mục “VII. CHỮ KÝ BÊN VAY/KHÁCH HÀNG CHỦ THỂ CHÍNH”; Chữ ký dưới các mục “CHỮ KÝ BÊN VAY/KHÁCH HÀNG/CHỦ THỂ

CHÍNH”, chữ ký, chữ viết dòng họ tên Trịnh Thanh T trên mẫu cần giám định (gồm: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSDB, phương án sử dụng vốn, tờ khai thông tin dành cho khách hàng, tờ trình đơn vị cho vay, giấy yêu cầu bảo hiểm sinh mạng) với chữ ký, chữ viết đứng tên Trịnh Thanh T trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra.

Đối với số chứng minh nhân dân 012105262, qua xác minh, xác định số CMND này được cấp cho anh Hoàng Minh Đức, sinh năm 1983, HKTT: 11 Phùng Khắc Khoan, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Anh Hoàng Minh Đức khai: Anh sử dụng Chứng minh nhân dân mang số 012105262 từ khi được cấp đến năm 2016 thì cấp đổi căn cước công dân số 001083018960. Anh Đức vẫn giữ thẻ chứng minh nhân dân cũ, không sử dụng số CMND của mình để vay tiền tại Ngân hàng VPBank.

Xác minh tại Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Xuân Mai: Trước đây, Công ty có tên là Công ty cổ phần bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai, địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 3, tòa nhà CT2 đường Ngô Thị Nhậm, phường Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội, được đổi tên từ ngày 21/4/2014. Từ trước đến nay, Công ty không có nhân viên nào là Trịnh Thanh T. Mẫu dấu tròn của Công ty cổ phần bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai đã nộp lại cho Công an thành phố Hà Nội từ tháng 4/2014 nên không còn bản chính để cung cấp. Cơ quan không thu thập được mẫu dấu và mẫu chữ ký để tiến hành giám định đối với Bản xác nhận thông tin nhân sự mang tên Trịnh Thanh T do Ngân hàng giao nộp.

Xác minh tại phòng PC06 - Công an thành phố Hà Nội, xác định: Trịnh Thanh T có chứng minh nhân dân số: 012736536, sinh ngày 17/10/1977, Nguyên quán: Giao Xuân, Giao Thủy, Nam Định, HKTT: Tổ 13 Trạm Long Biên, Long Biên, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng VPBank là anh Chu Quang A, sinh năm 1995, HKTT: Phượng Giáo, Thừa, Lương Tài, Bắc Ninh cung cấp thông tin nhân viên làm thủ tục, hồ sơ vay của Trịnh Thanh T gồm chị Nguyễn Thị Thu V, chị Nguyễn Thị Bích N và anh Võ Quang H, sinh năm 1980, HKTT: Nguyễn Công Trứ, Đông Sơn, Thanh Hóa. Tiến hành ghi lời khai người liên quan, xác định: Chị N nhận hồ sơ vay của Trịnh Thanh T qua 01 cộng tác viên không rõ lai lịch. Sau đó, do bận công việc, chị N chuyển lại hồ sơ cho chị V để làm thủ tục. Qua kiểm tra, chị V nhận thấy biểu mẫu hợp đồng đã cũ nên báo cho N để hẹn khách hàng đến làm việc, ký lại hợp đồng. N liên hệ cộng tác viên để hẹn gặp T. Ngày 25/7/2019, chị Vân gặp T để ký lại hợp đồng vay. Do tin tưởng N, chị V không chỉnh sửa nội dung hợp đồng. Sau đó, chị Vân báo cáo anh Hòa - trưởng nhóm bán hàng để làm thủ tục phê duyệt theo quy định. Ngân hàng VPBank đã giải ngân khoản vay số tiền 160.000.000 đồng cho Trịnh Thanh T. Việc T sử dụng thông tin giả để đăng ký vay, chị Ngọc, chị V, anh H đều không biết. Do đó, Cơ điều tra không đề cập xử lý. Về cán bộ, nhân viên thẩm định hồ sơ vay, do thời gian đã lâu, anh Chu Quang A không cung cấp được thông tin.

Đối với việc Trịnh Thanh T sử dụng chứng minh thư nhân dân số 012105202 và bản xác nhận nhân sự, thu nhập giả: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ được bản gốc Chứng minh thư nhân dân sử dụng số 012105202; không thu giữ được mẫu dấu, chữ ký để trưng cầu giám định đối với tài liệu xác nhận thu nhập

của Công ty Xuân Mai. Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân của T chỉ có số chứng minh thư 012105202 là thông tin giả; các nội dung khác đều là thông tin cá nhân của T. T khai: T không biết các giấy tờ nêu trên được làm như thế nào do toàn bộ hồ sơ vay tín dụng của T đều do L làm. Hiện Cơ điều tra chưa xác định được đối tượng L để làm rõ hành vi làm giả giấy tờ. Do đó, không đủ căn cứ xử lý đối với Trịnh Thanh T về hành vi này.

Đối với đối tượng L, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra đã tách rút tài liệu có liên quan để tiếp tục xác minh theo thủ tục giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Về dân sự: Người bị hại yêu cầu Trịnh Thanh T hoàn trả số tiền 274.413.291 đồng; Gồm: 135.442.887 đồng tiền nợ gốc và 138.970.404 đồng tiền nợ lãi. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 22/3/2024 bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho Ngân hàng VPBank số tiền 68.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 319/CT-VKSNTL ngày 26/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy truy tố bị cáo Trịnh Thanh T, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo ngoài xã hội để có điều kiện trị bệnh và nuôi dạy con.

Đại diện theo ủy quyền của người bị hại xác nhận đã nhận tiền bồi thường khắc phục hậu quả số tiền 68.000.000 đồng (tương đương 50% số tiền bị cáo gây thiệt hại), đề nghị bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 67.442.887 đồng và 138.970.404 đồng tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Về dân sự: Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho Ngân hàng số tiền còn lại là 67.442.887 đồng. Về yêu cầu buộc bị cáo có phải chịu tiền lãi 138.970.404 đồng của Ngân hàng, đề nghị HĐXX không chấp nhận. Về vật chứng: Không. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo ngoài xã hội để bị cáo có cơ hội sửa sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra,

Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, người bị hại và những người liên quan có trong hồ sơ và tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Ngày 25/7/2017, tại quán cafe trên phố Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội, Trịnh Thanh T mặc dù biết thông tin trong hồ sơ vay vốn đã được Lan sửa chữa, thay đổi không đúng sự thật nhưng vẫn đồng ý, chấp nhận ký vào để vay được tiền của Ngân hàng VPBank. Như vậy, có thể khẳng định bị cáo đã có hành vi gian dối sử dụng thông tin không đúng sự thật gồm số chứng minh thư nhân dân và thông tin nghề nghiệp để ký hợp đồng vay số tiền 160.000.000 đồng tại Ngân hàng VPBank. Sau khi được Ngân hàng giải ngân, Thủy đã dùng số tiền trên để chi tiêu vào việc chữa bệnh cá nhân hết, không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật.

[3] Đánh giá về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, tổ chức tín dụng. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân trên địa bàn.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Quá trình giải quyết đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả; Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa tiền án, tiền sự, khi nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú; Bản thân bị cáo mắc nhiều bệnh nền: ung thư tuyến giáp, ung thư vú và ung thư cổ tử cung, sức khỏe yếu hiện đang theo điều trị tại Bệnh viện ung bướu Hà Nội. Bị cáo không có chồng, là lao động chính duy nhất trong gia đình đang một mình nuôi con nhỏ là cháu Trịnh Bùi G, sinh năm 2008. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố bị cáo bị ung thư phổi vừa mất cuối năm 2023, mẹ bị cáo cũng bị mắc ung thư phải điều trị tại bệnh viện ung bướu cần bị cáo chăm sóc có xác nhận của chính quyền địa phương. Hơn nữa, mục đích bị cáo vay số tiền trên là để sử dụng điều trị bệnh ung thư. Sau khi vay bị cáo đã có ý thức duy trì trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng một thời gian, sau này vì lý do sức khỏe, bị cáo bị bệnh phải điều trị không đi làm được cộng thêm dịch bệnh Covid nên bị cáo mới không thanh toán được tiền vay cho Ngân hàng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đủ điều kiện để bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo, do đó HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

[4]. Vật chứng: Không có.

[5]. Về dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền đã chiếm đoạt 67.442.887 đồng và số tiền lãi 138.970.404 đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu của người bị hại đối với số tiền 67.442.887 đồng là có căn cứ cần chấp nhận. Về đề nghị tính lãi suất trên số tiền bị cáo chiếm đoạt của người bị hại. HĐXX thấy, hợp đồng vay tài sản của bị cáo là thủ đoạn lừa đảo, ngay từ đầu bị cáo đã có hành vi gian dối nên hợp đồng này được coi là vô hiệu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận và không tính lãi suất nên không được chấp nhận.

[6]. Về các vấn đề khác:

Đối với việc bị cáo sử dụng chứng minh thư nhân dân số 012105202 và bản xác nhận nhân sự, thu nhập giả: Quá trình điều tra không thu giữ được bản gốc Chứng minh thư nhân dân sử dụng số 012105202; không thu giữ được mẫu dấu, chữ ký để trưng cầu giám định đối với tài liệu xác nhận thu nhập của Công ty Xuân Mai. Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân của Thủy chỉ có số chứng minh thư 012105202 là thông tin giả; các nội dung khác đều là thông tin cá nhân đúng của bị cáo. Bản thân bị cáo không biết các giấy tờ nêu trên được làm như thế nào do toàn bộ hồ sơ vay tín dụng đều do Lan làm. Hiện cơ quan điều tra chưa xác định được đối tượng Lan để làm rõ hành vi làm giả giấy tờ. Do đó, không đủ căn cứ xử lý đối với bị cáo về hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Do chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng Lan, Cơ quan điều tra tách rút tài liệu có liên quan để tiếp tục xác minh theo thủ tục giải quyết nguồn tin về tội phạm là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST, án phí DSST đối với khoản bồi thường và có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trịnh Thanh T** phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo; Các Điều 136; Điều 331; Điều 333; Điều 336 BLTTHS năm 2015; Các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Thanh T 30 (Ba mươi)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 60 tháng, tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/3/2024).

Giao bị cáo Trịnh Thanh T cho UBND phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về dân sự: Buộc bị cáo Trịnh Thanh T phải có trách nhiệm bồi thường cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 67.442.887 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo không thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.372.144 đồng án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Sở tư pháp Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- THADS quận Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa